



Chương 1: Môi trường kinh doanh tại Li-băng (Lebanon)

Tổng quan thị trường

Tổng quan: Cuộc chiến trong những năm 1975 - 1991 đã phá hủy nghiêm trọng hạ tầng kinh tế của Li-băng, làm giảm một nửa tổng sản lượng quốc dân và làm mất vị thế của Li-băng vốn được coi là trung tâm ngân hàng của Trung Đông.

Sản phẩm công nghiệp: Thực phẩm, đồ trang sức, xi măng, hàng dệt, các sản phẩm khoáng chất và hóa chất, các sản phẩm gỗ, dầu tinh lọc, sản phẩm kim loại.

Sản phẩm nông nghiệp: Cam, quýt, nho, cà chua, táo, rau xanh, khoai tây, ô liu, thuốc lá, cây gai dầu, cừu, dê.

Lịch sử: Li-băng (Lebanon) có lịch sử rất lâu đời, từng bị các đế quốc Ai Cập, Ba Tư Assyria xâm lược. Từ đầu thế kỷ XVI đến cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất, bị Thổ Nhĩ Kỳ thống trị. Từ năm 1920 là đất uỷ trị của Pháp. Ngày 22/11/1943, Li-băng chính thức tuyên bố nền độc lập, nhưng đến hết năm 1946, Pháp mới rút quân khỏi Li-băng. Tháng 3-1978, I-xra-en tiến hành chiến tranh với Li-băng và chiếm một số đất đai của nước này. Kể từ đó Li-băng lâm vào những cuộc chiến tranh liên miên với I-xra-en và những cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng của các phe phái; Liên hợp quốc đã có nhiều nỗ lực giải quyết những vấn đề chính trị xã hội của nước này..

Tên đầy đủ:

Đơn vị tiền tệ: Bảng Li-băng;

Quốc khánh: Ngày 22/11 (1943)

Thủ đô: Beirut (Bây – rút)

Vị trí địa lý: Nằm ở Trung Đông, giáp Xy-ri, Ix-ra-en và Địa Trung Hải.

Tọa độ địa lý: 33°50 vĩ bắc, 35°50 kinh đông

Quan hệ ngoại giao với Việt Nam: Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam: 12/02/1981

Văn hoá: Li-băng từng là ngã ba đường giữa các nền văn minh trong nhiều thiên niên kỷ, vì vậy không ngạc nhiên khi một đất nước nhỏ lại sở hữu một nền văn hóa giàu có và mạnh mẽ đến như vậy. Số lượng lớn các nhóm sắc tộc, tôn giáo ở Li-băng khiến nước này có một nền văn hóa ẩm thực, âm nhạc và các truyền thống văn học cũng như lễ hội rất lớn và đa dạng. Các trường phái nghệ thuật ở thủ đô Bây-rút phát triển đầy sinh khí với nhiều cuộc trưng bày nghệ thuật sắp đặt, triển lãm, các buổi trình diễn thời trang, và các buổi hòa nhạc được tổ chức quanh năm tại các gallery, các bảo tàng, nhà hát và các tụ điểm công cộng.

Diện tích: 10.400 km²

Xý-ri.

Đường biên giới: 484 km, trong đó biên giới với Israel 81 km; với Syria 403 km

Khí hậu: Địa Trung Hải; ẩm ướt, ôn hòa, lạnh vào mùa đông; nóng khô vào mùa hè; vùng núi có tuyết vào mùa đông. Nhiệt độ tháng 1: 13°C, tháng 7: 28°C. Lượng mưa trung bình: 400 - 1.000 mm.

Tài nguyên thiên nhiên: đá vôi, quặng sắt, muối, , đất canh tác

Sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp: 63,3% (đất canh tác: 11,9%, đất trồng lâu năm : 12,3%,)
- Đồng cỏ vĩnh viễn: 39,1%
- Rừng: 13,4%
- Đất khác: 23,3% (- ước tính năm 2018)

Thiên tai:

Các vấn đề hiện tại về môi trường: động đất; bão bụi, bão cát

Các nhóm dân tộc: Người A-rập (95%), người Ác-mê-ni (4%), các dân tộc khác (1%)

Ngôn ngữ: Tiếng A-rập (chính thức); các tiếng Pháp, Anh và Ác-mê-ni được sử dụng.

Tôn giáo: Đạo Hồi dòng Sunni và Shia (70%), Đạo Thiên chúa (30%).

Dân số: 5.331.203 (ước tính năm 2023)

Phân bố dân số: phần lớn người dân sống trên hoặc gần bờ biển Địa Trung Hải, và trong số này hầu hết sống trong và xung quanh thủ đô Beirut; điều kiện phát triển thuận lợi ở Thung lũng Bekaa, ở phía đông nam của Dãy núi Lebanon, đã thu hút nông dân và do đó khu vực này có mật độ dân số nhỏ hơn

Cấu trúc tuổi (theo ước tính năm 2023):

- 0-14 tuổi: 19,21% (nam 524.172 / nữ 500.185)
- 15-64 tuổi: 71,69% (nam 1.929.150 / nữ 1.892.806)
- 65 tuổi trở lên: 9,1% (nam 208.436 / nữ 276.454) (ước tính năm 2023)

Tỉ lệ phụ thuộc (theo ước tính năm 2021):

- Tổng tỷ lệ phụ thuộc: 59,3%
- Tỷ lệ phụ thuộc trẻ: 44 %
- Tỷ lệ phụ thuộc già: 15,3 %
- Tỷ số hỗ trợ tiềm năng: 6,5%

Tỉ lệ tuổi trung bình

- Nam: 33,1 năm
- Nữ: 34,4 (ước tính năm 2020)

Tỷ lệ tăng dân số: 0,64% (ước tính năm 2023)

Tỉ lệ sinh: 12,86 trẻ/1.000 dân (Ước 2023)

Đô thị hóa:

Dân số thành thị: 89,4 % tổng dân số (ước tính năm 2023)

Tỉ lệ đô thị hóa: - 1,23% hàng năm (ước tính 2020 – 2025)

Dân số ở thủ đô: 2,421 triệu tại thủ đô Beirut (Ước tính năm 2023)

GDP (tương đồng sức mua): 72,577 tỉ USD (ước 2021) so với ước 78,041 tỉ USD năm 2020 và 99,288 tỉ USD năm 2019. Đứng thứ 101 thế giới.

GDP (tỉ giá chính thức): 53,253 tỉ USD (ước năm 2019)

GDP (tăng trưởng thực): - 7 % (ước năm 2021); -21,4% (ước năm 2020); -7,16% (ước năm 2019)

GDP – đầu người (PPP): 13.000 USD (ước năm 2021); xếp thứ 126 thế giới; 13.800 USD (ước năm 2020); 17.200 USD (ước năm 2019)

GDP – theo cấu trúc ngành (ước tính năm 2017)

- Nông nghiệp: 3,9 %
- Công nghiệp: 13,1%
- Dịch vụ: 83%

GDP – trên tiêu dùng:

- Tiêu dùng theo hộ gia đình: 87,6%
- Tiêu dùng của chính phủ: 13,3%
- Đầu tư vào tài sản cố định: 21,8%
- Đầu tư vào hàng tồn kho: 0,5 %
- Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ: 23,6%
- Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ: - 46,4% (ước tính năm 2017)

Sản phẩm nông nghiệp: khoai tây, sữa, cà chua, táo, cam, ô liu, lúa mì, dưa chuột, thịt gia cầm, chanh

Công nghiệp: ngân hàng, du lịch, bất động sản và xây dựng, chế biến thực phẩm, rượu, đồ trang sức, xi măng, dệt may, khoáng sản và hóa chất, gỗ và sản phẩm nội thất, lọc dầu, gia công kim loại

Lực lượng lao động: 1,719 triệu người, xếp vị trí thứ 130 trên thế giới (ước tính năm 2021)

Lực lượng lao động theo lĩnh vực nghề nghiệp (theo ước 2009):

- Nông nghiệp: 39%
- Công nghiệp: chưa rõ
- Dịch vụ: chưa rõ

Tỉ lệ thất nghiệp: 14,49% (ước tính năm 2021); 13,3% (ước tính năm 2020); 11,35% (ước 2019)

Ngân sách nhà nước (ước tính năm 2019):

- Doanh thu: 11,061 tỉ USD
- Chi tiêu: 16,574 tỉ USD

Thặng dư (+) hoặc thâm hụt (-) ngân sách: -6,9% GDP (ước tính năm 2017)

Nợ công:

- 146,8% GDP (ước tính năm 2017);
- 145,5% GDP (ước tính năm 2016)

Năm tài chính: từ 1 tháng một đến 31 tháng 12

Tỉ lệ lạm phát (giá tiêu dùng): 0,5% (ước tính năm 2017) ; - 0,1% (ước năm 2016)

Lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại: 1,48% (ước tính đến ngày 31/12/2017)

Xuất khẩu: (ước tính năm 2021) 10,147 tỉ USD so với 8,773 tỉ USD trong năm 2020, đứng thứ 104 thế giới

Mặt hàng xuất khẩu: Vàng, kim cương, sắt vụn, đồ gỗ, nha, nữ trang, ô tô (năm 2021)

Đối tác xuất khẩu (ước tính năm 2019): Thụy sĩ 27%, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất 11%, Ả Rập Saudi 7%, Kuwait 6 %

Nhập khẩu: 17,383 tỉ USD (ước tính năm 2021) so với 15,206 tỉ USD trong năm 2020, 31,147 tỉ USD năm 2019, đứng thứ 93 thế giới

Mặt hàng nhập khẩu: xăng dầu, ô tô, thuốc đóng gói, trang sức, vàng (ước tính năm 2019)

Đối tác nhập khẩu (số liệu ước tính năm 2019): Các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất 11%, Hy Lạp 8 %, Thổ Nhĩ Kỳ 7%, Hoa Kỳ 6%

Dự trữ ngoại tệ và vàng: 35,239 tỉ USD (ước tính 31/12/2021)

Hệ thống vận chuyển hàng không quốc gia:

- Số lượng các hãng hàng không đã đăng ký: 1 (năm 2020)
- Lượng hành khách hàng năm trên các hãng hàng không đã đăng ký: 2.981.937 (năm 2018)
- Lưu lượng hàng năm vận chuyển trên các hãng hàng không đã đăng ký: 65,57 triệu mt-km (2018)

Số sân bay: 8 (số liệu năm 2021)

Cảng và nhà ga:

Cảng biển chính: Beirut, Tripoli

Cảng container (TEU): Beirut (1.229.100) (dữ liệu năm 2019)

Chương 2: Môi trường kinh tế - chính trị

Tóm lược

Số liệu do Cơ quan Thống kê Trung ương Li-băng công bố cho thấy, nguyên nhân khiến lạm phát phi mã là do giá cả dịch vụ và hàng hóa gia tăng mạnh.

Cụ thể, cước viễn thông trong tháng 2 tăng gần 5 lần so với cùng kỳ năm ngoái; chi phí y tế tăng hơn 4 lần; dịch vụ nhà hàng, khách sạn tăng hơn 3 lần; giá cả quần áo, giày dép, đồ uống không cồn và chi phí vận tải cũng tăng hơn 3 lần.

Li-băng đã chứng kiến làn sóng siêu lạm phát kéo dài suốt gần 3 năm qua, với tỷ lệ 155% năm 2021, 171,2% vào năm 2022 và 190% trong tháng 2 vừa qua.

Cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ tại nước này, cùng với những bế tắc chính trị dai dẳng đã cản trở Liban thành lập chính phủ mới để tiến hành các bước cải cách cần thiết, vốn là điều kiện tiên quyết cho việc tiếp cận các gói hỗ trợ tài chính hàng tỷ USD từ Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và các nhà tài trợ quốc tế khác.

Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới (WB), nền kinh tế Li-băng đã giảm khoảng 58% trong giai đoạn 2019-2021, khi Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thu hẹp từ 52 tỷ USD năm 2019 xuống còn 21,8 tỷ USD năm 2021, đánh dấu mức giảm lớn nhất trong 193 quốc gia.

Số liệu của IMF cũng cho thấy nguồn thu từ thuế của Li-băng trong cùng giai đoạn trên đã giảm hơn một nửa.

Ngoài ra, việc Li-băng xác định không đúng trị giá hải quan, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu đã khiến nước này thất thoát nguồn thu tương đương 4,8% GDP trong năm 2022.



Trong 1 báo cáo công bố tuần trước, IMF đánh giá “tiến độ thực hiện gói cải cách kinh tế toàn diện ở Liban vẫn còn hạn chế”, và điều này “gây ảnh hưởng lớn đến nhóm người có thu nhập từ thấp đến trung bình, đồng thời làm suy yếu triển vọng kinh tế dài hạn của Li-băng”.

Theo IMF, Chính phủ, Quốc hội và Ngân hàng Trung ương Li-băng phải cùng nhau nhanh chóng hành động để giải quyết những yếu kém hiện nay cả về thể chế và cấu trúc, nhằm ổn định kinh tế và tạo tiền đề cho sự phục hồi mạnh và bền vững.

Hiện Li-băng cần tiến hành các bước đi cần thiết để giải phóng gói hỗ trợ tài chính 3 tỷ USD từ IMF và mở đường cho khoản hỗ trợ bổ sung trị giá 11 tỷ USD đã được các nhà tài trợ quốc tế cam kết tại 1 hội nghị ở Paris (Pháp) hồi năm 2018.

Theo người đứng đầu phái đoàn IMF tại Liban Ernesto Ramirez Rigo (E.Ri-gô), sau khi được ban lãnh đạo IMF thông qua, chương trình viện trợ kéo dài 46 tháng của IMF sẽ hỗ trợ giới chức Liban triển khai chiến lược cải cách để khôi phục tăng trưởng và ổn định tài chính. Theo tuyên bố chung của Tổng thống Liban Michel Aoun (M.A-un) và Thủ tướng Najib Mikati, thỏa thuận trên sẽ giúp Liban phục hồi kinh tế cũng như tìm các giải pháp cho cuộc khủng hoảng hiện nay. Tuy nhiên, khoản viện trợ sẽ chỉ được giải ngân sau khi Quốc hội Liban thông qua ngân sách năm 2022, dự luật mới bảo mật thông tin ngân hàng để chống tham nhũng và kế hoạch tái cơ cấu nợ. Bên cạnh đó, Chính phủ Liban cũng cần thông qua chiến lược tái cấu trúc ngân hàng.

Thỏa thuận trên đạt được trong bối cảnh Li-băng đang đối mặt cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất từ trước đến nay. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), quốc gia Trung Đông này đang thiếu hụt ngoại tệ một cách trầm trọng và hơn 70% dân số rơi vào cảnh nghèo đói. Đồng nội tệ của Liban mất giá hơn 90% trên chợ đen và giá cả các mặt hàng tăng chóng mặt, giá thịt đỏ tăng gấp 5 lần. WB đánh giá mức độ khủng hoảng tương đương một cuộc chiến tranh. Các chuyên gia tài chính đã cáo buộc các ngân hàng thương mại gửi ngoại tệ của khách hàng vào Ngân hàng Trung ương Liban để đổi lấy lãi suất cao. Trong khi đó, Ngân hàng Trung ương Liban đã sử dụng tiền gửi của khách hàng để ổn định tỷ giá hối đoái và hỗ trợ cho việc bù đắp thâm hụt ngân sách của nhà nước.

Kinh tế suy sụp trong nhiều năm đã khiến nền giáo dục của Liban lâm vào khủng hoảng và tình hình hiện nay đang hết sức khẩn cấp, đòi hỏi sự hỗ trợ cấp bách của cộng đồng quốc tế. Các trường học ở Liban không có đủ kinh phí để hoạt động như bình thường, giáo viên đi làm



không đủ lương để nuôi sống gia đình, học sinh, sinh viên không có phương tiện đến trường do giá xăng dầu tăng cao. Tại Liban, mức lương tối thiểu từng trị giá 450 USD, giờ chỉ là 28 USD. Cuộc khủng hoảng tại Liban đã buộc nhiều học sinh, sinh viên phải nghỉ học để kiếm sống. Theo báo cáo của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), tỷ lệ ghi danh vào các cơ sở giáo dục giảm từ 60% năm 2021 xuống 43% trong năm học hiện tại.

Saudi Arabia và một số nước giàu tại vùng Vịnh từng là những nhà tài trợ lớn cho Liban. Tuy nhiên, trong thời gian qua, quan hệ giữa Li-băng và những nước này trở nên căng thẳng chung quanh vấn đề phong trào Hezbollah ngày càng gia tăng ảnh hưởng đối với chính trường Liban. Quan hệ giữa hai bên tiếp tục xấu đi từ tháng 10 năm ngoái, sau khi Bộ trưởng Thông tin Liban George Kordahi (G.Co-đa-hi) chỉ trích chiến dịch quân sự do Saudi Arabia dẫn dắt tại Yemen. Saudi Arabia, Bahrain và Kuwait đã triệu đại sứ của mình tại Liban về nước, đồng thời yêu cầu đại diện ngoại giao của Liban tại nước họ rời đi trong vòng 48 giờ. Trong khi đó, Các Tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE) đã triệu đại sứ của Liban tới phản đối về bình luận của ông Kordahi. Quan hệ rạn nứt với nhiều nước vùng Vịnh khiến Li-băng càng trở nên khó khăn hơn trong lúc đang chật vật đối phó cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng nhất trong lịch sử. Trong một động thái cải thiện quan hệ với Liban, Saudi Arabia thông báo cử Đại sứ trở lại Li-băng, lần đầu tiên kể từ khi tranh cãi nổ ra giữa hai bên. Tương tự, chính phủ các nước Kuwait và Yemen cũng thông báo sẽ cử Đại sứ trở lại Li-băng.

Li-băng cần nhanh chóng bắt tay vào lộ trình thoát khỏi cuộc khủng hoảng bằng thỏa thuận với IMF và một chương trình ổn định cũng như phục hồi kinh tế toàn diện. Chính phủ của Thủ tướng Mikati khẳng định sẽ tiếp tục nỗ lực đưa đất nước tiến lên trên con đường phục hồi, bất chấp những thách thức nghiêm trọng về kinh tế và xã hội

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hôm qua (29/06/2013) cảnh báo rằng cuộc khủng hoảng tài chính của Li-băng ngày càng trở nên trầm trọng hơn do các nhóm lợi ích được đầu tư chống lại các chính sách cải cách quan trọng.

IMF đã công bố 1 báo cáo chứng minh, cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài gần 4 năm đã khiến đồng nội tệ Li-băng mất khoảng 98% giá trị, khiến GDP giảm 40%, đẩy lạm phát lên 3 con số và làm cạn kiệt 2/3 dự trữ ngoại tệ của ngân hàng trung ương nước này.

Lý giải nguyên nhân, Quỹ Tiền tệ Quốc tế nhận định, cuộc khủng hoảng đã ngày càng trở nên trầm trọng hơn do không thực hiện được các chính sách cần thiết, bị cản trở bởi một cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài và sự phản kháng của các nhóm lợi ích đối với cải cách.

Lebanon đã ký một thỏa thuận với Quỹ Tiền tệ Quốc tế vào tháng 4 năm 2022 nhưng chưa đáp ứng các điều kiện để đảm bảo một chương trình giải ngân đầy đủ trị giá 3 tỷ USD. Đây được coi là gói hỗ trợ rất quan trọng đối với Lebanon để phục hồi sau một trong những cuộc



suy thoái kinh tế tồi tệ nhất trong lịch sử.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế cảnh báo nếu không nhanh chóng tiến hành cải cách, nợ công tại Li-băng có thể lên tới 547% GDP vào năm 2027. Báo cáo nêu rõ: việc tiếp tục giữ nguyên hiện trạng là rủi ro lớn nhất đối với sự ổn định kinh tế và xã hội của Li-băng, đưa đất nước vào con đường khó khăn, đồng thời cho biết thêm rằng Ngân hàng trung ương cần có các chính sách mới về xung đột lợi ích, quyền tự chủ nhiều hơn từ chính phủ và trách nhiệm giải trình nhiều hơn./.

Chương 3: Kinh doanh sản phẩm và dịch vụ nước ngoài

Nền kinh tế Li-băng đang chìm trong một cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng chưa từng có kể từ thập niên 1970. Hàng loạt chính sách sai lầm của các chính phủ tiền nhiệm đã đưa tỷ lệ nợ công tăng chưa từng có, lạm phát phi mã, dự trữ ngoại hối "bốc hơi" chóng mặt, và đồng nội tệ trượt giá sâu.

Dù tỷ giá hối đoái niêm yết là 1.500 Bảng Li-băng đổi 1 USD nhưng trên thị trường chợ đen, đồng nội tệ đã trượt sâu xuống mức 11.000-15.000 Bảng đổi 1 USD từ hồi tháng 3. Sự trượt giá 90% của đồng nội tệ đã khiến hàng hóa trở nên đắt đỏ tương đối, tỷ lệ nghèo đói tăng vọt gần chạm mức 50%.

Đáng quan ngại hơn, Li-băng đang rơi vào một tình huống tương tự Venezuela khi bị các tổ chức cho vay nước ngoài xa lánh, thậm chí "cô lập".

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Li-băng Riad Salameh cảnh báo rằng các nhà băng nước ngoài như Wells Fargo và HSBC đang bắt đầu hạn chế quan hệ kinh doanh với các ngân hàng thuộc hệ thống tài chính Li-băng. Hai nhà băng khác là Bank of America và Deutsche Bank cũng bắt đầu có động thái hạn chế làm ăn với các ngân hàng Li-băng trong những giao dịch thanh toán xuyên biên giới.

"Tất cả tổ chức tài chính chỉ cần tìm kiếm Google từ khóa Lebanon và họ sẽ thấy hàng loạt thông tin về mức dự trữ ngoại hối cạn kiệt, chính phủ vỡ nợ, tình trạng tham nhũng và trạng thái tụt tụt của nền kinh tế. Khi đó, họ nghĩ gì? Tất nhiên, họ sẽ cho rằng không nên giao dịch với quốc gia này" - một nguồn tin của Reuters cho hay.

Dự trữ ngoại hối của Li-băng đang cạn dần tới đáy. Bộ trưởng tài chính Li-băng cảnh báo ngoại tệ để nhập khẩu lương thực, nhiên liệu và thuốc men sẽ cạn kiệt. Trong khi đó, Li-băng một quốc gia mà 80% hàng hóa thiết yếu phụ thuộc vào nhập khẩu.

Tỷ lệ lạm phát hàng năm ở Lebanon đã lên mức cao kỷ lục, với giá thực phẩm tăng phi mã 400% hồi tháng 12/2020. Ngoài ra, tỷ lệ nợ quốc gia tính trên GDP đã tăng lên mức gần 200%.

Năm 2018, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) từng đề xuất một khoản cứu trợ tài chính trị giá 11 tỷ USD để đưa kinh tế Li-băng ra khỏi cơn bão. Nhưng sau đó, IMF đã rút lại đề xuất này do quan ngại về thực trạng chậm cải cách kinh tế và tham nhũng. Về phía Li-băng, một số ý kiến trong nước cho rằng yêu cầu cải cách mà IMF đưa ra là hoàn toàn không phù hợp với tình hình kinh tế trong nước.

Khi chính phủ tiền nhiệm từ chức sau vụ nổ lớn ở thủ đô Beirut, các cuộc đàm phán giữa Lebanon và IMF cho đến nay vẫn chưa đạt kết quả nào. Chưa có thỏa thuận nào về việc thành lập nội các mới của Lebanon được thông qua, do bất đồng sâu sắc giữa Tổng thống Michel Aoun và Thủ tướng được chỉ định, ông Saad al-Hariri.

"Lebanon phải tự cứu chính mình, rồi chúng tôi mới có thể cứu họ. Nhưng thật không may, cho đến thời điểm hiện tại, Lebanon vẫn chưa sẵn sàng hoặc chưa thể cứu chính mình" - ông



Ông Ferid Belhaj, Phó chủ tịch khu vực Trung Đông và Bắc Phi của Ngân hàng Thế giới (WB) nhấn mạnh trong một tuyên bố hồi đầu tháng 4.

Tương tự như IMF, phía WB cho rằng Li-Băng cần sẵn sàng cải cách nếu muốn nhận viện trợ tài chính quốc tế.

Lebanon, quốc gia từng có GDP đầu người thuộc top đầu tại Trung Đông, khủng hoảng kinh tế đang bóp nghẹt cuộc sống của người dân, đẩy nhiều người trung lưu xuống dưới mức nghèo, thậm chí đói ăn...

Kim ngạch nhập khẩu của Li-băng từ các nước

Năm 2022, kim ngạch nhập khẩu của Li-băng đạt mức 19,500 tỉ USD, tăng 41% so với năm 2021. Trong đó Trung Quốc là quốc gia hàng đầu xuất khẩu vào Li-băng chiếm tỉ trọng 13,8% kim ngạch nhập khẩu với kim ngạch 2,688 tỉ USD, kế tiếp là Thổ Nhĩ Kỳ, xếp thứ 2 với kim ngạch xuất khẩu sang Li-băng với kim ngạch 2,425 tỉ USD chiếm tỉ trọng 12,4%. Xếp thứ 3 là Hy Lạp, với kim ngạch đạt 1,9 tỉ USD, chiếm 9,8%.

Bảng sau thống kê kim ngạch nhập khẩu của Li-băng

Kim ngạch nhập khẩu của Li-Băng

STT	Quốc gia	Kim ngạch nhập khẩu 2022 (ngàn USD)	Tỉ trọng nhập khẩu (%)	Mức tăng trưởng giá trị nhập khẩu 2018-2022 (%)	Mức tăng trưởng giá trị nhập khẩu 2021-2022 (%)
	Toàn cầu	19.500.199	100	-4	41
1	Trung Quốc	2.688.773	13,8	3	112
2	Thổ Nhĩ Kỳ	2.425.853	12,4	26	60
3	Hy Lạp	1.905.196	9,8	1	39
4	Ý	1.127.534	5,8	-13	68
5	Hoa Kỳ	975.718	5	-15	27
6	Các Tiểu vương Quốc Ả Rập thống nhất	720.106	3,7	7	-6
7	Đức	681.903	3,5	-14	10
8	Thụy Sĩ	631.719	3,2	7	93
9	Ái Cập	628.009	3,2	-2	73
10	Ấn Độ	608.434	3,1	8	131
11	Anh	360.740	1,8	-7	8
12	Spain	348.308	1,8	-14	20

13	Nga	346.671	1,8	-16	-43
----	-----	---------	-----	-----	-----

(Nguồn: trademap 2023)

Những Sản phẩm nhập khẩu hàng đầu vào Li-Băng năm 2022

Năm 2022, với tổng kim ngạch nhập khẩu vào Li-Băng đạt 19,5 tỉ USD, trong đó mặt hàng nhập khẩu hàng đầu là nhiên liệu, xăng dầu với kim ngạch 5,780 tỉ USD ăng trưởng 47% so với năm 2021. Nhóm mặt hàng nhập khẩu đứng thứ 2 à các phương tiện xe cộ (không bao gồm đầu máy xe lửa và xe điện) với giá trị kim ngạch 1,883 tỉ USD, tăng trưởng 78% so với năm trước đó.

Sản phẩm nhập khẩu hàng đầu vào Li-Băng năm 2022

	Nhóm mặt hàng	Kim ngạch nhập khẩu 2022 (ngàn USD)	Tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu 2018-2022 (%)	Tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu 2021-2022 (%)
	Tổng	19.500.199	-4	41
27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất từ chúng; chất bitum; khoáng sản...	5.780.859	1	47
87	Các phương tiện không phải đầu máy xe lửa hoặc xe điện, các bộ phận và phụ tùng của chúng	1.883.840	2	78
71	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, mạ kim loại. . .	1,679,649	9	36
85	Máy móc, thiết bị điện và các linh kiện của chúng; máy ghi âm, ti vi...	1.654.221	7	155
84	Nồi hơi, máy móc thiết bị cơ khí và phụ tùng của chúng.	877.354	-11	47
30	Dược phẩm	551.818	-19	-39
39	Nhựa và sản phẩm từ chất dẻo	500.033	-7	22
72	Sắt và thép	476.350	-9	55
10	Ngũ cốc	452.203	11	5
15	Mỡ, dầu động vật, thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn được chế biến sẵn	248.639	15	26
48	Giấy và bìa; các sản phẩm từ bột giấy, giấy và bìa	222.091	-7	48
44	Gỗ và các sản phẩm bằng gỗ; than gỗ	195.514	-6	64
01	Động vật sống	193.207	-17	-17
19	Các chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc	189.540	-13	25

	sữa; sản phẩm bánh ngọt			
04	Sản phẩm từ sữa; trứng chim; mật ong; sản phẩm ăn được có nguồn gốc từ động vật	175.313	-20	25

(Nguồn: trademap 2023)

Thị trường xuất khẩu của Li-Băng

Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của Li-băng đạt mức 3,862 tỉ USD, giảm 9% so với năm 2021. Trong đó UAE là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Li-băng chiếm tỉ trọng 23,3% kim ngạch xuất khẩu đạt 899 triệu USD, kế tiếp là Ả rập Xi-ry, xếp thứ 2 với kim ngạch xuất 370 triệu USD chiếm tỉ trọng 9,6%. Xếp thứ 3 là Thổ Nhĩ Kỳ, với kim ngạch đạt 172 triệu USD, chiếm 4,5%.

Các mặt thị trường xuất khẩu chính từ Li-băng

STT	Quốc gia	Kim ngạch xuất khẩu 2022 (Ngàn USD)	Tỉ trọng kim ngạch xuất khẩu (%)	Mức tăng trưởng giá trị xuất khẩu 2018-2022 (%)	Mức tăng trưởng giá trị xuất khẩu 2021-2022 (%)
	Tổng kim ngạch	3.862.245	100	1	-9
1	UAE	899.380	23.3	21	-13
2	Cộng hoà Ả rập Xi-ry	370.122	9.6	3	243
3	Thổ Nhĩ Kỳ	172.611	4.5	3	53
4	Ai cập	169.767	4.4	11	-3
5	I Rắc	161.910	4.2	-3	29
6	Thụy Sĩ	156.888	4.1	-6	-63
7	Hoa Kỳ	156.024	4	26	1
8	Qatar	153.304	4	1	-25
9	Hàn Quốc	106.400	2.8	21	18
10	Jordan	96.382	2.5	0	11
11	Kuwait	86.503	2.2	4	-4
12	Pháp	86.350	2.2	3	37
13	Hy Lạp	79.803	2.1	-1	-16
14	Bờ biển Ngà	74.733	1.9	19	17
15	Bangladesh	57.538	1.5	25	98
16	Congo	56.168	1.5	11	29

Các nhóm sản phẩm xuất khẩu của Li- Băng sang các nước

Năm 2022, Li-Băng có kim ngạch xuất khẩu đạt 3,862 tỉ USD (giảm 9% so năm 2021). Mặt hàng xuất khẩu hàng đầu là ngọc trai, đá quý..với giá trị kim ngạch đạt 808 triệu USD (giảm 23% so với năm 2021), Kế tiếp là mặt hàng nhựa với kim ngạch 385 triệu USD tăng với mức 231% so với năm 2021. Mặt hàng thứ 3 là các phương tiện và phụ tùng (không bao gồm đầu máy xe lửa và xe điện) đạt kim ngạch 252,5 triệu USD

Các nhóm sản phẩm xuất khẩu của Li- Băng

STT	Nhóm mặt hàng	Kim ngạch xuất khẩu 2022 (Ngàn USD)	Tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu 2018-2022 (%)	Tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu 2021-2022 (%)
	Tổng giá trị	3.862.245	1	-9
71	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, mạ kim loại...	808.818	1	-23
39	Nhựa và sản phẩm từ chất dẻo	384.914	13	231
87	Các phương tiện (không phải đầu máy xe lửa và xe điện), các sản phẩm và phụ tùng của chúng	252.572	32	3
08	Trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ cây họ cam quýt hoặc dưa	201.725	44	-50
85	Máy móc thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi âm, ti vi...	184.786	-10	36
84	Nồi hơi, máy móc thiết bị cơ khí và phụ tùng của chúng.	176.672	-2	-2
72	Sắt và thép	161.558	15	-9
74	Đồng và các sản phẩm bằng đồng	121.696	10	12
31	Phân bón	114.742	14	60
22	Đồ uống, rượu mạnh và giấm	105.034	17	8
20	Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các bộ phận khác của cây	99.306	-1	-15
33	Tinh dầu và chất nhựa; nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	89.321	-10	-11
76	Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm	79.655	7	6
21	Các chế phẩm ăn được khác	72.426	8	7
94	Nội thất; bộ đồ giường, đệm, đệm và các nội thất nội thất tương tự....	64.552	19	-81

48	Giấy và bìa; các sản phẩm từ bột giấy, giấy và bìa	59.863	-6	8
73	Sản phẩm sắt thép	58.848	10	29
78	Chì và các sản phẩm bằng chì	56.117	2	-2
49	Sách, báo, tranh, ảnh và các sản phẩm khác của ngành in.	51.605	-11	30
30	Dược phẩm	45.303	-8	10
32	Chất chiết xuất thực vật hoặc nhuộm; tannin và các dẫn xuất của chúng; thuốc nhuộm, bột màu và các chất tạo màu khác...	43.386	-1	12
09	Cà phê, trà, maté và gia vị	43.045	1	21

(Nguồn: trademap 2023)



Chương 4: Thương mại song phương Việt Nam – Li Băng

Ngày lập quan hệ ngoại giao: 12/02/1981.

Quan hệ chính trị: Việt Nam cử Lãnh sự danh dự tại Li-băng từ tháng 6/2012

Trao đổi đoàn

Đoàn Việt Nam thăm Li-băng: Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình (5/1998), Chủ tịch nước Trần Đức Lương dự Hội nghị Pháp ngữ kết hợp thăm chính thức Li-Băng (10/2002), Thứ trưởng Bộ Thương mại Đỗ Như Đính (2003).

Lãnh sự danh dự tại Li-băng đã tổ chức nhiều đoàn doanh nghiệp thăm Việt Nam.

Hợp tác tại các diễn đàn khu vực và quốc tế

Hai nước thường xuyên ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn đa phương. Vừa qua, Li-băng đã ủng hộ Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021.

Địa chỉ Đại sứ quán của hai nước

Đại sứ quán Việt Nam tại Ai Cập kiêm nhiệm Li-băng:

Địa chỉ: 47 Ahmed Heshmat Street, Zamalek, Cairo, Egypt.

Điện thoại: + 202-27364327

Fax: + 202-27366091

Lãnh sự danh sự Việt Nam tại Li-băng:

Địa chỉ: 136 Allenby St. 3rd floor, Solider, Lebanon

Điện thoại: +961 1972375

Fax: +961 1972376

Thị trường tiềm năng

Ngày 12 tháng 8 năm 2003 Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Li băng đã ký Hiệp định thương mại, các bên sẽ dành cho nhau quy chế Tối huệ quốc trên tất cả các mặt liên quan thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ giữa hai nước. Hai bên sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm tạo thuận lợi, củng cố và đa dạng hoá thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ phù hợp với luật pháp và các quy định hiện hành ở mỗi nước, tập quán và các quy định quốc tế.

Qui định xuất, nhập khẩu theo Hiệp định



Theo luật pháp và qui định hiện hành ở hai nước, mỗi nước sẽ cho phép nhập khẩu các sản phẩm sau đây có xuất xứ từ lãnh thổ nước kia:

1. Miễn thuế hải quan và các loại thuế tương đương đối với hàng mẫu, ấn phẩm quảng cáo chỉ để dùng cho quảng cáo và tìm kiếm đơn đặt hàng;
2. Miễn thuế hải quan và các loại thuế tương đương đối với các hàng hoá, sản phẩm và các thiết bị cần thiết cho việc tổ chức các hội chợ, các triển lãm thương mại được tạm nhập, với điều kiện là các hàng hoá, sản phẩm và các thiết bị này sẽ được tái xuất sau đó.

Hiện nay, nền kinh tế Lebanon đang chìm trong một cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng chưa từng có kể từ thập niên 1970. Hàng loạt chính sách sai lầm của các chính phủ tiền nhiệm đã đưa tỷ lệ nợ công tăng chưa từng có, lạm phát phi mã, dự trữ ngoại hối "bốc hơi" chóng mặt, và đồng nội tệ trượt giá sâu.

Đáng quan ngại hơn, Lebanon đang rơi vào một tình huống tương tự Venezuela khi bị các tổ chức cho vay nước ngoài xa lánh, thậm chí "cô lập".

Hiện nay, kim ngạch giao thương giữa Việt Nam và Li-băng đang rất thấp Việt Nam xuất khẩu khoảng 20 mặt hàng sang Li-băng nhưng đến năm 2013 số lượng các mặt hàng xuất khẩu đã tăng lên trên 40 mặt hàng. Trong đó, thủy sản và hạt điều vẫn hai mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này. Các mặt hàng khác xuất khẩu vào thị trường Li-băng là nông sản, hàng công nghiệp chế biến, hàng điện tử (điện thoại, thiết bị gia dụng), các sản phẩm thủ công mỹ nghệ... Tuy số lượng các mặt hàng có tăng nhưng do số lượng, khối lượng một số mặt hàng giảm rõ rệt trong những năm qua do tình hình khủng hoảng kinh tế tại Li-băng

Việt Nam nhập khẩu từ thị trường Li-băng chủ yếu các loại nguyên phụ liệu dệt may và da giày, các loại rau quả, và một số hàng hóa khác.

Li-băng là một quốc gia nhỏ trong khu vực Trung Đông nhưng hàng năm vẫn phải nhập khẩu khá nhiều hàng hóa để phục vụ cho nhu cầu trong nước. Việt Nam luôn ở thế xuất siêu với thị trường này. Tuy nhiên, tỷ trọng hàng hóa Việt Nam còn rất thấp trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của Li-băng. Để tăng cường xuất khẩu vào thị trường Li-băng, các doanh nghiệp cần tích cực chủ động tìm hiểu thông tin thị trường và mở rộng cơ hội hợp tác kinh doanh...

Giao thương Việt Nam – Li Băng

Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm từ Li băng vào Việt Nam giảm dần trong những năm qua, cụ thể năm 2020, Việt Nam nhập khẩu 321.000 USD sản phẩm từ Li băng, sang năm 2021 giảm xuống còn 44.000 USD và năm 2022 là 112.000 USD. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là vật dụng nhựa (vật dụng dùng để vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa bằng nhựa; nút chặn, nắp đậy, nắp và các loại khác. . .)

Kim ngạch nhập khẩu Việt Nam từ Li Bãng

(đơn vị 1.000 USD)

Mã HS	Sản phẩm	Li Bãng xuất khẩu sang Việt Nam (đơn vị 1.000 USD)		
		Kim ngạch 2020	Kim ngạch 2021	Kim ngạch 2022
'TOTAL	Tổng	321	44	112
'39	Nhựa và sản phẩm từ chất dẻo	26	0	39
'85	Thiết bị điện và linh kiện	0	35	23
'84	Nồi hơi, máy xúc và linh kiện ...	0	4	12
'33	Tinh dầu và chất nhựa; nước hoa, mỹ phẩm hoặc chế phẩm vệ sinh.	2	0	8
'32	Chất chiết xuất thuộc da hoặc nhuộm; tannin và các dẫn xuất thuốc nhuộm, bột màu và chất tạo màu khác..	0	0	6
'38	Các hoá phẩm khác	0	0	4
'99	Một số hàng hoá nhóm khác	10	3	19

(Nguồn: trademap 2023)

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Li Bãng năm 2022 đạt mức 71,561 triệu USD tăng gần 70% so với kim ngạch năm 2021 là 42,215 triệu USD. Nhóm sản phẩm chủ lực Việt Nam xuất khẩu sang Li Bãng năm 2022 chủ yếu là cà phê, gia vị (15,113 triệu USD), kế đến là trái cây và hạt ăn được với kim ngạch 14,862 triệu USD, đứng thứ ba là máy móc thiết bị điện với kim ngạch đạt 6,879 triệu USD. Thịt, giày dép, thủy hải sản, sản phẩm dệt may cũng là những nhóm sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu cao sang Li Bãng. Bảng sau liệt kê kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Li Bãng từ năm 2020 đến 2022

Kim ngạch xuất khẩu Việt Nam sang Li Bãng

Mã HS	Sản phẩm	Việt Nam xuất khẩu sang Li Bãng (đơn vị 1.000 USD)		
		Kim ngạch 2020	Kim ngạch 2021	Kim ngạch 2022
	TỔNG	57.269	42.215	71.561
'09	Cà phê, trà, gia vị...	4.288	4.784	15.113
'08	Trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dưa...	6.302	9.120	14.862

'85	Máy móc, thiết bị điện và linh kiện; máy ghi âm, tivi...	21.409	3.563	6.879
'64	Giày dép	4.672	4.090	6.341
'16	Các chế phẩm từ thịt, cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm...	4.857	5.849	5.660
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm, động vật thủy sinh không xương sống khác...	3.602	2.903	4.679
'62	Các mặt hàng may mặc, phụ kiện quần áo, không dệt kim hoặc móc	1829	1350	2633
'84	Nồi hơi, máy móc thiết bị cơ khí và phụ tùng của chúng.	1.015	1.536	1.864
'61	Các mặt hàng may mặc, phụ kiện quần áo, dệt kim hoặc móc	1.842	1.302	1.853
'21	Các chế phẩm ăn được khác	681	862	1.812
'90	Thiết bị quang học, nhiếp ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật	695	798	1.387
'40	Cao su và sản phẩm từ cao su	311	641	975
'82	Dụng cụ, đồ nghề, dao, kéo, thìa, nĩa bằng kim loại cơ bản; và các bộ phận của chúng	143	173	791
'39	Nhựa và các sản phẩm chất dẻo	913	332	653
'73	Các sản phẩm bằng sắt, thép	126	353	420
'30	Dược phẩm	0	167	395
'44	Gỗ và các sản phẩm bằng gỗ; than củi	80	85	382
'10	Ngũ cốc	146	75	364
'42	Sản phẩm bằng da, dây nịch, hàng du lịch, túi xách..	279	533	343
'94	Nội thất, bộ đồ giường đệm...	147	215	331

